## Bài 20. SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết các STP bằng nhau; thực hiện được việc tìm các STP bằng nhau.

- Vận dụng giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến số thập phân bằng nhau.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + *Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  - Cách tiến hành: | |
| – Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tôi bảo”  Tôi bảo! Tôi bảo!  Tôi bảo em ngồi bên trái viết một số thập phân.  Tôi bảo! Tôi bảo!  Tôi bảo em ngồi bên phải viết một phân sốthập phân bằng STP mà bạn đã viết.  – GV treo (hoặc trình chiếu) hình vẽ.  - GV giới thiệu bài. | - HS tham gia trò chơi  Bảo gì? Bảo gì?  – HS làm theo.  Bảo gì? Bảo gì?  - HS làm theo.  - HS quan sát Sắm vai, đọc các bóng nói theo thứ tự từ trái sang phải. |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Nhận biết các số thập phân bằng nhau; thực hiện được việc tìm các số thập phân bằng nhau.**  **-** Mục tiêu: *Nhận biết các số thập phân bằng nhau; thực hiện được việc tìm các số thập phân bằng nhau.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **1. Ví dụ 1: So sánh 1,85 và 1,850**  - GV đặt vấn đề.  + 1,85 và 1,850 là loại số gì?  + Ta chưa biết cách so sánh hai số thập phân. Hãy chuyển hai số này về loại số mà ta biết so sánh.  - GV gọi vài nhóm trình bày bài làm,  khuyến khích HS nói cách làm.   Nếu HS sai, GV giúp các em sửa lại cho đúng  Hệ thống lại cách thực hiện.  + Viết hai số 1,85 và 1,850 thành phân số thập phân.  + So sánh hai phân số thập phân.  + So sánh hai số thập phân.  **2. Khái quát**  - GV giúp HS nhận xét:  + Nếu viết thêm chữ số 0 vào tận cùng bên phải phần thập phân, ta được gì?  + Nếu bỏ bớt chữ số 0 tận cùng ở bên phải phần thập phân, ta được gì?  - GV nêu nội dung kiến thức trọng tâm (SGK).  **3. Ví dụ 2**  - GV viết lên bảng các số thập phân (hoặc dùng các thẻ có viết số thập phân, mỗi thẻ viết một số).  - GV giúp HS nhận biết. | - HS (nhóm đôi) thực hiện các yêu cầu của GV vào bảng con.  + Số thập phân.  - HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  - HS trình bày bài làm và nói cách làm.  + Nếu viết thêm chữ số 0 vào tận cùng bên phải phần thập phân, ta được một số thập phân bằng số đó.  + Nếu bỏ bớt chữ số 0 tận cùng ở bên phải phần thập phân, ta được một số thập phân bằng số đó.  – Vài HS lặp lại  – HS trình bày và kết luận.  - HS đọc lần lượt các số 🡪 Ghép các số thập phân bằng nhau.  - HS nhận biết: Số tự nhiên được coi là số thập phân đặc biệt (có phần thập phân là 0 hoặc 00, ...) |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến STP bằng nhau.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  - Khi sửa bài, GV có thể đọc từng số cho HS thực hiện vào bảng con và yêu cầu HS giải thích.  **Bài 2:**  - Sửa bài, GV nêu từng cặp số cho HS thực hiện vào bảng con  - Khuyến khích HS giải thích một số trường hợp.  Lưu ý: Câu d có nhiều kết quả  HS làm đúng và giải thích hợp lí thì chấp nhận.  **Luyện tập**  **Bài 1:**  – Sửa bài, GV có thể cho HS thi đua tiếp sức: gắn (hoặc nối) các thẻ có số thập phân bằng nhau, **khuyến khích** HS **giải thích** cách làm. | - HS **thực hiện** nhóm đôi.  a) 5,4 b) 21,07  c) 0,08 d) 100,001  - HS **giải thích**.  Ví dụ:  a) 5,400 = 5,4  Bỏ bớt hai chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của số 5,400 thì được số 5,4 bằng với số 5,400.  - HS **thực hiện** cá nhân rồi chia sẻ nhóm đôi.  a) 3,16 và 2,40 b) 42,500 và 0,955  c) 73,00 và 6,72 d) 0,1 và 2,4  – HS giải thích.  Ví dụ:  a) 3,16 và 2,40  Phần thập phân của số 3,16 có hai chữ số; phần thập phân của số 2,4 có một chữ số  Viết thêm một chữ số 0 vào tận cùng bên phải của phần thập phân ta được số 2,40 có hai chữ ở phần thập phân và bằng với số 2,4.  d) 0,1 và 2,4  Phần thập phân của số 0,100 có ba chữ số;  phần thập phân của số 2,40 có hai chữ số  Bỏ bớt chữ số 0 ở tận cùng bên phải của  phần thập phân ta được hai số 0,1 và 2,4 đều có một chữ số ở phần thập phân và bằng với hai số thập phân đã cho ban đầu.  0,100 = 0,1 và 2,4 = 2,40  - HS **thực hiện** nhóm đôi.    - HS **giải thích** cách làm.  Ví dụ: 0,15 = 0,1500 (vì bỏ bớt hai chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của số 0,1500 ta được số 0,15 bằng với số 0,1500) |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu: Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 2:**  – Sửa bài, GV có thể cho HS ghép các thẻ (hoặc bảng con) có viết số đo (mỗi bảng/thẻ viết một số) bằng nhau lại với nhau, **khuyến khích** HS **giải thích** tại sao lại ghép như vậy. | - HS **xác định** yêu cầu, **thực hiện** cá nhân.    - HS **giải thích** tại sao lại ghép như vậy.  Ví dụ: Lần lượt viết thêm một và hai chữ số 0 vào tận cùng bên phải phần thập phân của 20,7 kg thì được 20,70 kg và 20,700 kg bằng với 20,7 kg.  … |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**Bài 21. SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết cách so sánh hai số thập phân; thực hiện được việc so sánh hai số thập phân; xác định số thập phân lớn nhất và số thập phân bé nhất; sắp xếp được thứ tự các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.

- Vận dụng giải quyết những vấn đề đơn giản liên quan đến việc so sánh STP.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: *+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  - Cách tiến hành: | |
| - Tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi.  GV treo (hoặc trình chiếu) hình vẽ phần Khởi động.  🡺 GV ghi vào góc bảng 🡺 Giới thiệu bài mới. | -  – HS quan sát  Đọc bóng nói  Nhận biết vấn đề cần giải quyết: So sánh chiều dài quãng đường đã làm trong 1 ngày với kế hoạch đề ra  HS nói nhanh kết quả so sánh và cách làm. |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới:**  **-** Mục tiêu: Nhận biết cách so sánh hai số thập phân; thực hiện được việc so sánh hai số thập phân; xác định số thập phân lớn nhất và số thập phân bé nhất; sắp xếp được thứ tự các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.  **-** Cách tiến hành: | |
| **1. So sánh hai số thập phân có phần nguyên khác nhau**  ***Ví dụ 1: So sánh hai số thập phân 2,1 và 1,85.***  – GV vấn đáp 🡪 Kết hợp viết trên bảng lớp.  + Nhận xét phần nguyên của 2 STP  + Để so sánh được hai số thập phân này, ta làm thế nào?  🡪 GV viết trên bảng lớp:  2,1 =  1,85 =  =  🡪 2,1 > 1,85  – Dựa vào 2,1 > 1,85 🡪 Nêu quy tắc. Muốn so sánh hai số thập phân có phần nguyên khác nhau ta làm thế nào?  **2. So sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau**  ***Ví dụ 2: So sánh hai số thập phân 1,872 và 1,850.***  – Sửa bài, HS trình bày trên bảng lớp (như  SGK) và giải thích cách làm  🡪 GV có thể viết các số theo cột dọc lên bảng lớp để hướng dẫn HS so sánh.      Khi so sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau (1 = 1), ta thực hiện như sau (GV vừa nói vừa tô màu các chữ số):    + So sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng của phần thập phân, kể từ trái sang phải (8 = 8).  + Cặp chữ số đầu tiên khác nhau:  Số có chữ số lớn hơn thì lớn hơn  (7 > 5 🡪 1,872 > 1,850).  🡪 Muốn so sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau ta làm thế nào?  **3. Các ví dụ tổng hợp**  **Ví dụ 3:**  – GV đọc từng cặp số cho HS viết vào bảng con rồi so sánh.  – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích.  Lưu ý: HS cũng có thể giải thích cách khác: Bỏ bớt chữ số 0 tận cùng của 5,40 ta được 5,4  – GV đọc quy tắc trong SGK.  - GV nhận xét, tuyên dương. | – HS viết vào bảng con.  + Nhận xét : Phần nguyên khác nhau.  + Viết hai số thập phân thành phân số thập phân rồi so sánh hai phân số thập phân.  – HS nêu cách chuyển đổi và so sánh 🡪 Viết vào bảng con:  2,1 =  1,85 =  =  🡪 2,1 > 1,85  So sánh phần nguyên: Số nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.  – HS (nhóm bốn) thảo luận, tìm cách thực hiện tương tự Ví dụ 1.  – HS thực hiện cá nhân, rồi chia sẻ với bạn  trong nhóm.  1,872 > 1,850  (1,872 =  1,850 =  🡪 )  🡪 So sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng của phần thập phân, kể từ trái sang phải. Cặp chữ số đầu tiên khác nhau: số có chữ số lớn hơn thì lớn hơn.  – HS viết vào bảng con rồi so sánh.  3,6 > 0,981 92,721 < 92,83 5,40 = 5,4  – HS giải thích.  *Ví dụ:*  3,6 và 0,981 🡪 Số có phần nguyên lớn hơn thì lớn hơn: 3 > 0 🡪 3,6 > 0,981  92,721 và 92,83 🡪 Phần nguyên bằng nhau, so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng:  7 < 8 🡪 92,721 < 92,83  5,40 và 5,4 🡪 Phần nguyên và phần thập phân của hai số bằng nhau 🡪 5,40 = 5,4 |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng giải quyết những vấn đề đơn giản liên quan đến việc so sánh STP*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  **-**GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân và chia sẻ trong nhóm đôi  -GV mời HS chia sẻ trước lớp và nói cách làm | - 1HS đọc yêu cầu BT1  – HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ nhóm đôi.  a) 9,75 < 12,4 2,38 > 0,951  b) 61,07 < 61,4 0,5 > 0,125  c) 8,91 > 8,9 10,1 = 10,10  – HS giải thích. Ví dụ:  a) 9,75 và 12,4 🡪 Vì 9 < 12 🡪 9,75 < 12,4  b) 61,07 và 61,4 🡪 Vì 61 = 61; 0 < 4  🡪 61,07 < 61,4 |
| **4. Vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu: *Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 2:**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận  - GV có thể gợi ý cho HS:  + Thực hiện mấy việc?  + Việc gì?  + Viết số thế nào?  + Sắp xếp theo thứ tự nào?  –Sửa bài, HS giải thích cách làm.  Lưu ý: HS có thể viết được các số thập phân khác nhau, nếu đảm bảo các yêu cầu của đề bài thì chấp nhận.  -GV nhận xét tiết học, tuyên dương  -Dặn dò | –HS đọc yêu cầu.  – HS (nhóm đôi) tìm hiểu, nhận biết yêu cầu.  –Thảo luận tìm cách giải quyết.  + Hai việc.  + Viết bốn số thập phân – Sắp thứ tự.  + Phải dùng đủ cả ba chữ số đã cho.  Viết bốn số thập phân khác nhau, trong đó phần thập phân có hai chữ số.  + Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.  –HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  Ví dụ: 5,67; 7,65; 6,57; 5,76  🡪5,67; 5,76; 6,57; 7,65  –HS giải thích cách làm.  Ví dụ: Dùng đủ ba chữ số đề bài cho để viết số có ba chữ số, trong đó phần nguyên có một chữ số và phần thập phân có hai chữ số. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**Bài 21. SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết cách so sánh hai số thập phân; thực hiện được việc so sánh hai số thập phân; xác định số thập phân lớn nhất và số thập phân bé nhất; sắp xếp được thứ tự các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.

- Vận dụng giải quyết những vấn đề đơn giản liên quan đến việc so sánh STP.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: *+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức chơi “Ai nhanh hơn?”  GV nêu yêu cầu.  Ví dụ:  So sánh hai STP 5,23 và 52,3.  🡺 GV Giới thiệu bài mới. | HS chơi “Ai nhanh hơn?”  HS thực hiện vo bảng con. 5,23 < 52,3  - Nêu cách so sánh. |
| **2. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng giải quyết những vấn đề đơn giản liên quan đến việc so sánh số thập phân.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Luyện tập**  **Bài 1:**  **-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  - Thực hiện tương tự bài Thực hành 1  – Sửa bài, GV có thể cho HS chơi tiếp sức, khuyến khích HS nói tại sao lại điền dấu như vậy.  🡪GV hệ thống các cách so sánh số thập phân:  •Số thập phân có phần nguyên lớn hơn thì lớn hơn.  •Hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau: So sánh các cặp chữ số cùng hàng của phần thập phân theo thứ tự từ trái sang phải. Cặp chữ số đầu tiên khác nhau  Kết luận.  •Hai số thập phân có phần nguyên và phần thập phân bằng nhau thì bằng nhau.  **Bài 2:**  **-**GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT2  –Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em viết thêm chữ số 0 vào tận cùng bên phải của phần thập phân để phần thập phân của các số có số chữ số bằng nhau, rồi viết theo cột dọc để so sánh thuận lợi.  –Sửa bài   GV viết lên bảng:  7,7; 7; 0,77; 0,7.  Sau đó, GV viết các số theo cột dọc để giải thích.    **Bài 3:**  GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT3  -Thảo luận nhóm 4  – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm.  **Bài 4:**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  – Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói tại sao lại chọn số đó.  **Bài 5:**  – Có thể thực hiện bằng cách giao việc cho các nhóm GQVĐ.  •Bước 1: Tìm hiểu vấn đề  •Bước 2: Lập kế hoạch  •Bước 3: Tiến hành kế hoạch  Lưu ý: HS chỉ cần tìm một số rồi viết vào bảng con.  •Bước 4: Kiểm tra lại Chẳng hạn: 3,4 < 3,41 < 3,5  …  – Sửa bài, GV hệ thống cách thực hiện của các nhóm. | - 1HS đọc yêu cầu BT1  –HS tìm hiểu và làm bài cá nhân.  a) 231,8 > 99,99 46,05 < 46,50  b) 7,42 > 7,24 7,42 < 74,2  c) 140,02 > 140 500 = 500,000  – HS nói tại sao lại điền dấu như vậy.  Ví dụ: 231,8 > 99,99 (vì 231> 99🡪chọn dấu >)  …   |  | | --- | | Cách so sánh số thập phân:  •Số thập phân có phần nguyên lớn hơn thì lớn hơn.  •Hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau: So sánh các cặp chữ số cùng hàng của phần thập phân theo thứ tự từ trái sang phải. Cặp chữ số đầu tiên khác nhau  Kết luận.  •Hai số thập phân có phần nguyên và phần thập phân bằng nhau thì bằng nhau. |   –HS (nhóm đôi) đọc yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ rồi thảo luận.  –HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  HS đọc dãy số để sửa bài. 7,7; 7; 0,77; 0,7.  -HS đọc YC  – HS (nhóm bốn) thảo luận, tìm hiểu bài, nhận biết:  •Thay ? bằng chữ số thích hợp.  •Thay bằng cách nào? (So sánh từng cặp chữ số)  a) 27,8 = 27,80 b) 639,1 > 638,7  c) 54,309 < 54,312  – HS nói cách làm.  Ví dụ:  a) 27,8 = 27,8?  🡪 Thay dấu ? bằng chữ số 0 vì nếu viết thêm chữ số 0 vào tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng số đó 🡪 27,8 = 27,80  …  – HS đọc yêu cầu.  – HS thảo luận (nhóm bốn) tìm cách làm: bớt 0,1 (câu a), thêm 0,01 (câu b)  – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  a) 3,3; 3,2; 3,1; 3,0; 2,9; 2,8; 2,7  b) 0,06; 0,07; 0,08; 0,09; 0,10; 0,11; 0,12  – HS nói tại sao lại chọn số đó.  Ví dụ:  a) Dãy số đếm bớt 1 ở hàng phần mười:  3,3; 3,2; 3,1; 3; 2,9; 2,8; 2,7  (Lưu ý: 3,0 = 3.)  b) Dãy số đếm thêm 1 ở hàng phần trăm:  0,06; 0,07; 0,08; 0,09; 0,1; 0,11; 0,12  (Lưu ý: 0,10 = 0,1)  Nhận biết vấn đề cần giải quyết: Số thập phân?  Nêu được cách thức GQVĐ:  + Đếm;  + Dựa vào số thập phân bằng nhau.  HS thực hiện theo cách thức ở Bước 2.  Trình bày trước lớp.  + Dựa vào số thập phân bằng nhau:  3,4 = 3,40 và 3,5 = 3,50  + Đếm thêm 1 ở hàng phần trăm:  3,40 🡪 3,41 🡪 3,42 🡪 3,43 🡪 … 🡪 3,50  🡪 Số thập phân cần tìm có thể là những số sau: 3,41; 3,42; 3,43; …; 3,49 |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  *+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.*  *+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| **Đất nước em**  – GV giúp đỡ HS nhận biết yêu cầu của bài.  – Sửa bài, GV hệ thống lại cách so sánh các số đo độ dài.  **Ví dụ:**  a) Xác định cây cầu ngắn nhất 🡪 Số đo bé nhất  Xác định cây cầu dài nhất 🡪 Số đo lớn nhất  🡪 Xác định vị trí để viết số theo thứ tự từ ngắn đến dài. (GV vừa vấn đáp vừa giúp  HS kiểm tra bài sửa của HS.)  Số bên trái 🡪 Số đo bé nhất.  Số bên phải 🡪 Số đo lớn nhất.  Số đo còn lại viết vào giữa.  b) GV trình chiếu (hoặc treo) bản đồ Việt Nam lên cho HS xác định vị trí 4 tỉnh thành trên bản đồ.  -GV nhận xét tiết học, tuyên dương  -Dặn dò | - HS (nhóm bốn) tìm hiểu bài, một vài nhóm trình bày trước lớp xem cần thực hiện những việc gì.  - HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm.  a) Cầu Thái Bình, cầu Thanh An, cầu Lạch Tray.  b) HS xác định vị trí các tỉnh thành: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng.  0,822 km  1,2 km  0,822 km; ; 1,2 km  0,822 km; 0,963 km; 1,2 km  HS đọc tên các cây cầu theo thứ tự: Cầu Thái Bình; Cầu Thanh An; Cầu Lạch Tray. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**Bài 22. LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

- Làm tròn được một số thập phân:

+ Đến hàng đơn vị (tới số tự nhiên gần nhất).

+ Đến hàng phần mười, hàng phần trăm (tới số thập phân có một hoặc hai chữ số ở phần thập phân).

- Vận dụng để đọc các thông tin trong đời sống thực tế.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  **a. Mục tiêu:** *Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.*  **b. Cách thực hiện:** | | |
| - GV có thể cho HS chơi:  - Khi làm tròn số đến hàng chục, đến hàng trăm ta chú ý đến chữ số ở hàng nào?  Làm tròn số 78 đến hàng chục được số nào?  Làm tròn số 149 đến hàng trăm được số nào?  …  - GV dẫn dắt vào bài mới. | | - HS tham gia chơi  - Làm tròn số 78 đến hàng chục được số 80 vì chữ số ở hàng đơn vị là 8.  - Làm tròn số 149 đến hàng trăm được số 100 vì chữ số ở hàng chục là 4.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới:**  **-** Mục tiêu: *Làm tròn được một số thập phân:*  *+ Đến hàng đơn vị (tới số tự nhiên gần nhất).*  *+ Đến hàng phần mười, hàng phần trăm (tới số thập phân có một hoặc hai chữ số ở phần thập phân).*  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1 : Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị**  **a. Mục tiêu:** *Làm tròn được một STP đến hàng đơn vị, phần mười, hàng phần trăm*  **b. Cách thực hiện:** | | |
| **Ví dụ 1:**  - GV vẽ (hoặc treo) tia số lên bảng lớp cho HS quan sát, GV chỉ vào các vạch trên tia số cho HS đọc các số thập phân từ 5,0 đến 6,0    - GV gợi ý giúp HS nhận biết  5,0 = 5 và 6,0 = 6  - GV xoá bớt chữ số 0 ở phần thập phân  -GV: “5 và 6 là hai số tự nhiên”  - GV kết hợp viết thêm các số vào tia số.    - GV chỉ vào các vạch có số và đặt vấn đề: “Các em quan sát và cho biết các số 5,28 và 5,74 gần với số tự nhiên nào hơn.”  + 5,28 gần số 5 hơn.  + 5,74 gần số 6 hơn.  - GV chỉ tay vào tia số và giới thiệu: Khi làm tròn một số đến hàng đơn vị, ta được số tự nhiên gần số đó hơn.  - GV viết thêm số 5,5 vào tia số, chỉ tay cho HS đọc và hỏi: “Số này gần với số tự nhiên nào hơn?”    - GV hướng dẫn: Khi làm tròn một số đến hàng đơn vị, ta được số tự nhiên gần số đó hơn. Riêng các số có chữ số ở hàng phần mười là 5, theo quy ước: Làm tròn thành số lớn.  - GV: Khi thực hành (không phải lúc nào cũng có tia số), ta làm như thế nào?  - Khi làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, ta quan sát chữ số hàng nào?  + Nếu chữ số hàng phần mười là 0; 1; 2; 3; 4: Chữ số hàng đơn vị thế nào?  + Nếu chữ số hàng phần mười là 5; 6; 7; 8; 9: Chữ số hàng đơn vị thế nào?  **Ví dụ 2:**  - GV đọc từng số:  + Làm tròn đến hàng đơn vị: 34,51, 120,47  - GV gọi vài HS giải thích.  **Ví dụ 3:**  - Tương tự với làm tròn số đến hàng đơn vị.  + Khi làm tròn số đến hàng phần mười, ta quan sát chữ số hàng nào?  + Nếu chữ số hàng phần trăm là 0; 1; 2; 3; 4 Chữ số hàng phần mười thế nào?  + Nếu chữ số hàng phần trăm là 5; 6; 7; 8; 9 Chữ số hàng phần mười thế nào?  **Ví dụ 4:**  - Thực hiện tương tự Ví dụ 3.  + Khi làm tròn số đến hàng phần trăm, ta quan sát chữ số hàng nào?  + Nếu chữ số hàng phần nghìn là 0; 1; 2; 3; 4: Chữ số hàng phần trăm thế nào?  + Nếu chữ số hàng phần nghìn là 5; 6; 7; 8; 9: Chữ số hàng phần trăm thế nào?  **Ví dụ 5: Các ví dụ tổng hợp**  - GV đọc từng số cho HS làm vào bảng con.  + Làm tròn số 27,645 đến hàng phần mười.  + Làm tròn số 27,645 đến hàng phần trăm.  - GV nhận xét – tuyên dương | | - HS quan sát: Đọc các số thập phân từ 5,0 đến 6,0 theo tay GV chỉ.  - HS lặp lại. HS đọc lần 2.  - HS đọc lần 3: 5; 5,28; 5,74; 6  + 5,28 gần số 5 hơn.  + 5,74 gần số 6 hơn.  - HS quan sát lắng nghe.  - 5,5 ở chính giữa hai số 5 và 6, không gần số nào hơn.  - HS (nhóm bốn) tìm hiểu nội dung SGK, thảo luận và trình bày theo hướng dẫn của GV.  - Khi làm tròn STP đến hàng đơn vị, ta quan sát chữ số hàng phần mười.  + Nếu chữ số hàng phần mười là 0; 1; 2; 3; 4: Chữ số hàng đơn vị giữ nguyên. Xoá bỏ phần thập phân. STP được làm tròn thành số tự nhiên.  + Nếu chữ số hàng phần mười là 5; 6; 7; 8; 9: Chữ số hàng đơn vị cộng thêm 1. Xoá bỏ phần thập phân. STP được làm tròn thành số tự nhiên.  - HS làm tròn rồi viết kết quả vào bảng con.  + 35, 120  - HS giải thích.  VD: Làm tròn số 34,51 đến hàng đơn vị thì được số 35 (vì chữ số hàng phần mười là 5 nên chữ số hàng đơn vị cộng thêm 1.  - HS tự tìm hiểu và nêu kết luận.  + Khi làm tròn số đến hàng phần mười, ta quan sát chữ số hàng phần trăm.  + Nếu chữ số hàng phần trăm là 0; 1; 2; 3; 4 Chữ số hàng phần mười ta giữ nguyên.  + Xoá bỏ các chữ số phần thập phân sau đó. Phần thập phân còn lại một chữ số ở hàng phần mười.  + Nếu chữ số hàng phần trăm là 5; 6; 7; 8; 9 🡪 Chữ số hàng phần mười cộng thêm 1  + Xoá bỏ các chữ số phần thập phân sau đó. Phần thập phân còn lại một chữ số ở hàng phần mười.  - HS tự tìm hiểu và kết luận.  + Khi làm tròn số đến hàng phần trăm, ta quan sát chữ số hàng phần nghìn.  + Nếu chữ số hàng phần nghìn là 0; 1; 2; 3; 4 Chữ số hàng phần trăm giữ nguyên  + Xoá bỏ các chữ số phần thập phân sau đó, phần thập phân còn lại hai chữ số ở hàng phần mười và hàng phần trăm.  + Nếu chữ số hàng phần nghìn là 5; 6; 7; 8; 9: Chữ số hàng phần trăm cộng thêm 1  + Xoá bỏ các chữ số phần thập phân sau đó, phần thập phân còn lại hai chữ số ở hàng phần mười và hàng phần trăm.  - HS làm tròn rồi viết kết quả vào bảng con.  + 27,6 + 27,65 |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **a. Mục tiêu:** *Thực hành các bài tập**làm tròn được một số thập phân đến hàng đơn vị, phần mười, hàng phần trăm*  **b. Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 1:**  - Cho HS đọc yêu cầu  - GV cho HS làm bảng con.  a) 7,06; 7,15; 7,27; 7,31; 7,48.  b) 3,52; 3,68; 3,74; 3,85; 3,93  - GV nhận xét – tuyên dương  **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS hoạt động nhóm  Trong các số trên:  a) 5,407; 5,416; 5,422; 5,434; 5,448.  b) 8,157; 8,162; 8,174; 8,183; 8,195.  - Gọi các nhóm chia sẻ  - GV nhận xét – tuyên dương  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV chơi trò chơi.  a) 0,9605; 0,9617; 0,9624; 0,9638; 0,9649.  b) 0,7258; 0,7261; 0,7272; 0,7285; 0,7294.  - GV nhận xét – tuyên dương. | - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS làm bảng con.  a) 7,**0**6; 7,**1**5; 7,**2**7; 7,**3**1; 7,**4**8. ⟶ 7  b) 3,**5**2; 3,**6**8; 3,**7**4; 3,**8**5; 3,**9**3. ⟶ 4  - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS hoạt động nhóm đôi.  a) 5,4**0**7; 5,4**1**6; 5,4**2**2; 5,4**3**4; 5,4**4**8. ⟶ 5,4  b) 8,1**5**7; 8,1**6**2; 8,1**7**4; 8,1**8**3; 8,1**9**5. ⟶ 8,2  - Đại diện nhóm trình bày  - Các nhóm nhận xét  - HS đọc, xác định yêu cầu bài  - HS chơi trò chơi tiếp sức.  a) 0,96**0**5; 0,96**1**7; 0,96**2**4; 0,96**3**8; 0,96**4**9. ⟶ 0,96  b) 0,72**5**8; 0,72**6**1; 0,72**7**2; 0,72**8**5; 0,72**9**4. ⟶ 0,73 | |
| **4. Hoạt động nối tiếp:**  **a. Mục tiêu:** Ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.  **b. Cách tiến hành:** | | |
| - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau | - HS lắng nghe. | |

**Bài 22. LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

- Làm tròn được một số thập phân:

+ Đến hàng đơn vị (tới số tự nhiên gần nhất).

+ Đến hàng phần mười, hàng phần trăm (tới số thập phân có một hoặc hai chữ số ở phần thập phân).

- Vận dụng để đọc các thông tin trong đời sống thực tế.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.  **b. Cách thực hiện:** | | |
| - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn?”.  - GV đọc số thập phân, yêu cầu HS làm tròn số.  Ví dụ: Làm tròn 2,18 đến hàng đơn vị.  …  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS chơi theo tổ  - HS làm tròn số theo yêu cầu của GV rồi viết kết quả vào bảng con.  + 2  …  - Tổ nào có tất cả HS làm xong trước và đúng thì thắng cuộc.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Luyện tập – Thực hành** | | |
| **Hoạt động 1 : Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Thực hành làm các bài toán liên quan về làm tròn số thập phân.  **b. Cách thực hiện:** | | |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV cho HS chơi trò chơi.  a) 341,57  b) 100,095  c) 76,826  d) 2,9684  - GV nhận xét – tuyên dương  **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS hoạt động nhóm  Viết các số thập phân có hai chữ số mà sau khi làm tròn đến hàng đơn vị thì được 9.  - Gọi các nhóm chia sẻ  - GV nhận xét – tuyên dương  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV cho HS hoạt động nhóm.  a) Điểm số môn Tiếng Việt của Y Moan là 8,25. Làm tròn số này đến hàng đơn vị thì điểm số môn Tiếng Việt của Y Moan là:  A. 8 B. 8,2    C. 8,3    D. 10  b) Một con cá cân nặng 0,94 kg. Ta nói, con cá đó nặng khoảng:  A. 100 kg    B. 10 kg    C. 9 kg    D. 1 kg  - Gọi các nhóm chia sẻ  - GV nhận xét – tuyên dương  **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV cho HS làm vở.  Một bao đường có khối lượng (tính theo ki-lô-gam) là số thập phân lớn nhất có hai chữ số mà khi làm tròn số đó đến hàng đơn vị thì được 5 kg.  Khối lượng của bao đường đó là .?. kg.  - GV chấm và nhận xét. | - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS chơi tiếp sức.  a) 342  b) 100  c) 76,8  d) 2,97  - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS hoạt động nhóm đôi.  8,5;  8,6;  8,7;  8,8;  8,9;  9,1;  9,2;  9,3;  9,4.  - Đại diện nhóm trình bày  - Các nhóm nhận xét  - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS hoạt động nhóm 4.  **a) Đáp án đúng là: A**  Điểm số môn Tiếng Việt của Y Moan là 8,25 có chữ số hàng phần mười là 2 nên ta giữ nguyên chữ số hàng đơn vị, phần thập phân chuyển thành số 0.  Vậy làm tròn số này đến hàng đơn vị thì điểm số môn Tiếng Việt của Y Moan là: 8  **b) Đáp án đúng là: D**  Làm tròn số 0,94 đến hàng đơn vị, ta được số 1.  Vậy con cá đó cân nặng khoảng 1 kg.  - Đại diện nhóm trình bày  - Các nhóm nhận xét  - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS làm vở.  Một bao đường có khối lượng (tính theo ki-lô-gam) là số thập phân lớn nhất có hai chữ số mà khi làm tròn số đó đến hàng đơn vị thì được 5 kg.  Khối lượng của bao đường đó là 4,9 kg.  - HS lắng nghe. | |
| **3. Đất nước em**  **a. Mục tiêu: *D****ựa vào biểu đồ**làm tròn được một số thập phân đến hàng đơn vị, phần mười, hàng phần trăm*  **b. Cách tiến hành:** | | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS hoạt động nhóm  Toán lớp 5 Chân trời sáng tạo Bài 22: Làm tròn số thập phân (trang 57) | Giải Toán lớp 5  a) Diện tích của mỗi tỉnh khoảng bao nhiêu ki-lô-mét vuông? (Làm tròn số đến hàng đơn vị.)  b) Dân số của mỗi tỉnh khoảng bao nhiêu nghìn người? (Làm tròn số đến hàng nghìn.)  - Gọi các nhóm chia sẻ  - GV nhận xét – tuyên dương | | - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS hoạt động nhóm 4.  a) Làm tròn diện tích mỗi tỉnh đến hàng đơn vị ta được:  Toán lớp 5 Chân trời sáng tạo Bài 22: Làm tròn số thập phân (trang 57) | Giải Toán lớp 5  b) Làm tròn dân số mỗi tỉnh đến hàng nghìn ta được:  Toán lớp 5 Chân trời sáng tạo Bài 22: Làm tròn số thập phân (trang 57) | Giải Toán lớp 5  - Đại diện nhóm trình bày  - Các nhóm nhận xét |
| **4. Hoạt động nối tiếp:**  **a. Mục tiêu:** Ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.  **b. Cách tiến hành:** | | |
| - GV tổng kết bài học, nhận xét, tuyên dương  - Dặn HS chuẩn bị bài sau | | - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------